DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2657 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *21* ***tháng 09 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng thí nghiệm GreenFeed**
Laboratory:	***GreenFeed Laboratory***
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	**Công ty cổ phần GreenFeed Việt Nam**
Organization:	***GreenFeed Viet Nam Corporation Company***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 1023**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa**
Field:	***Chemical***
Người quản lý:	**Ngô Nguyễn Quỳnh Trâm**
Laboratory manager:	***Ngo Nguyen Quynh Tram***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Từ ngày** *21* **/09/2026 đến ngày** *20* **/09/2031**
Địa chỉ/*Address*:	**Đường tỉnh 832, Ấp 5 Nhựt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam** ***Provincial Road 832, Hamlet 5 Nhut Chanh, Binh Duc Commune, Tay Ninh Province, Vietnam***
Địa điểm/*Location:*	**Đường tỉnh 832, Ấp 5 Nhựt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam** ***Provincial Road 832, Hamlet 5 Nhut Chanh, Binh Duc Commune, Tay Ninh Province, Vietnam***
Điện thoại/ *Tel*:	**0272 3632881**
Email:	**tram.nnq@greenfeed.com.vn**
Website:	**https://www.greenfeed.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1023

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantify (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi** ***Animal feeding stuffs and feed ingredients.***	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số và tính hàm lượng Protein Phương pháp đốt Dumas *Determination of the total nitrogen content and calculation of the crude protein* *Combustion Dumas method*	Nitơ tổng số *Total nitrogen*: 0.4 %	TCVN 8133-1:2009
2.		Xác định hàm lượng Béo thô Phương pháp không thủy phân axit Phương pháp túi lọc *Determination of crude Fat content* *Non-hydrolysis acid method* *Filter bag method*	0.5 %	AOCS Am 5-04 (Reapproved 2024)
3.		Xác định hàm lượng Xơ thô Phương pháp túi lọc *Determination of crude Fiber content* *Filter bag method*	2.0 %	AOCS Ba 6a-05 (Reapproved 2025)
4.		Xác định hàm lượng Tro. *Determination of Ash content*	1.2 %	TCVN 4327:2007
5.		Xác định hàm lượng Ẩm. Phương pháp sấy ở 103^{o}C *Determination of Moisture content* *Drying method at 103°C*	1.6 %	TCVN 4326:2001
6.		Xác định hàm lượng Canxi Phương pháp chuẩn độ *Determination of Calcium content* *Titration method*	0.3 %	TCVN 1526-1:2007

Chú thích */Note:*

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*
- AOCS: Hiệp hội các nhà Hóa học Dầu Hoa Kỳ / *American Oil Chemists' Society*

Trường hợp Công ty cổ phần GreenFeed Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty cổ phần GreenFeed Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the GreenFeed Viet Nam Corporation Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*